

Số: 65 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 25 tháng 7 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam tại Văn bản số  
06/CV-KST ngày 10/7/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án  
“Nhà máy Keystone Electrical Việt Nam (giai đoạn 1)” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
335/TTr-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam, địa chỉ  
tại Lô E2-2, thuộc Lô E2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện  
Thái Thụy, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của  
dự án “Nhà máy Keystone Electrical Việt Nam (giai đoạn 1)” với các nội dung  
như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy Keystone Electrical Việt Nam (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E2-2, thuộc Lô E2, Khu công nghiệp Liên Hà  
Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1001275376 do phòng Đăng  
ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày  
24/01/2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 8766003526 chứng

nhận lần đầu ngày 15/01/2024.

1.4. Mã số thuế: 1001275376.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dụng cụ điện cầm tay.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của Dự án 70.000 m<sup>2</sup> (theo Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng số 14/2024/HDTD/GiP-KTE ngày 5/3/2024 giữa Công ty Cổ phần Green i-Park và Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam); giai đoạn 1: 30.400 m<sup>2</sup>.

- Công suất thiết kế của dự án (giai đoạn 1):

Sản xuất dụng cụ điện cầm tay: 800.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.928 tấn/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

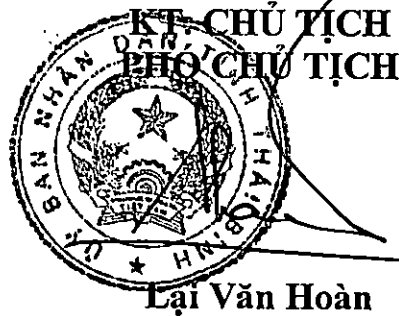
2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

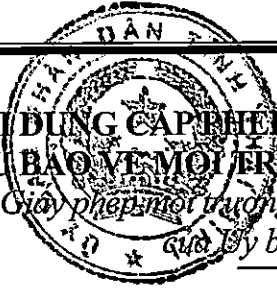
**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / s

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT. ✓





### Phụ lục 1

## **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B giá trị C, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Liên Hà Thái số 08/2024/BBTT/GiP-KST ngày 13/06/2024 giữa Công ty Cổ phần Green i-Park và Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam); nước làm mát được thu gom, xử lý tái sử dụng lại sản xuất.

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

#### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của Nhà xưởng A1 và phụ trợ, phụ trợ 2, nhà Văn phòng, nhà ăn, nhà Bảo vệ khoảng 7,775 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng 07 bể tự hoại 3 ngăn tổng thể tích 24 m<sup>3</sup>.

- Nước thải phát sinh từ Nhà ăn khoảng 4,575 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được thu gom dẫn bằng đường ống HDPE D200 chiều dài khoảng 613 m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B giá trị C, sau đó được dẫn đến hố ga đầu nối với trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Liên Hà Thái để xử lý bảo đảm quy định hiện hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Bể gom nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga đầu nối (đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái).

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol, Javel.

#### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, vận hành thử nghiệm để kiểm tra, đánh giá hiệu quả xử lý trước khi đưa vào vận hành chính thức; tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát;

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

#### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 03 tháng, sau khi các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải của Dự án, công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

01 điểm tại vị trí đầu vào và 01 điểm tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

##### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), TSS, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nito, Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 40:2011/BTNMT cột B giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; bảo đảm tiêu chuẩn đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Liên Hà Thái.

##### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

#### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải từ các bể tự hoại của dự án để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn vecni và sấy sau sơn vecni.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ quá trình ép phun nhựa.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải: 03 vị trí xả khí thải, cụ thể:**

- Dòng khí thải số 01: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn vecni và sấy sau sơn vecni, tọa độ xả khí thải:  $X(m) = 2273906.514$ ;  $Y(m) = 606750.556$

- Dòng khí thải số 02: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình ép phun nhựa, tọa độ xả khí thải:  $X(m) = 2273924.555$ ;  $Y(m) = 606792.119$

- Dòng khí thải số 03: 01 vị trí tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ xả khí thải:  $X(m) = 2274018.600$ ;  $Y(m) = 606747.537$ .

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$ )

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01:  $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng khí thải số 02:  $15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng khí thải số 03:  $8.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $33.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01, 02: Xả thải liên tục tại các thời điểm sản xuất trong ngày;
- Dòng khí thải số 03: Xả thải gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện vận hành).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị  $C_{\max}$  (áp dụng  $K_p = 0,9$ ;  $K_v = 1,0$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc tự động, liên tục	Tần suất quan trắc định kỳ
I	<b>Dòng khí thải số 01</b> (QCVN 20:2009/BTNMT)			Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	Etylbenzen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
2	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750		
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
II	<b>Dòng khí thải số 02</b> (QCVN 20:2009/BTNMT)				
1	Etylbenzen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
2	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100		
III	<b>Dòng khí thải số 03</b> (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B giá trị Cmax, Kp = 0,9; Kv = 1,0)				
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Dòng thải số 01: Khí thải từ quá trình sơn vecni và sấy sau sơn vecni được thu gom thông qua đường ống dẫn khí đưa về tháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý.

- Dòng thải số 02: Khí thải từ quá trình ép phun nhựa được thu gom thông qua đường ống dẫn khí đưa về tháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý.

- Dòng thải số 03: Khí thải từ máy phát điện được thu gom, thoát ra môi trường qua ống thoát khí (không phải xử lý, do Máy phát điện sử dụng nhiên liệu dầu diesel để vận hành).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ quá trình sơn vecni và sấy sau sơn vecni → Ống dẫn khí → Tháp hấp



phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ quá trình ép phun nhựa → Ống dẫn khí → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 03:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải máy phát điện → Ống xả khí thải → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động, định kỳ bảo dưỡng thiết bị.

- Khi xảy ra sự cố, chủ dự án phải cho ngừng hoạt động tại khu vực phát sinh khí thải, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời; chỉ đưa dây chuyền sản xuất hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục và bảo đảm chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định và Phần A Phụ lục này.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, sau khi các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sơn vecni và sấy sau sơn vecni, lưu lượng 10.000 m<sup>3</sup>/giờ;

- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình ép phun nhựa, lưu lượng 15.000 m<sup>3</sup>/giờ;

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Trên ống khói, ống xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 1 và nguồn số 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.



### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A mục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty TNHH Keystone Electrical Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.





## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
 VÀ CÁC YẾU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**
**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong khu vực nhà xưởng A1 và phụ trợ.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực nhà xưởng A1 và phụ trợ có tọa độ:

+ Điểm góc phía Tây Bắc: X(m) = 2274016.470; Y(m) = 606683.787

+ Điểm góc phía Bắc: X(m) = 2274050.136; Y(m) = 606761.291

+ Điểm góc phía Nam: X(m) = 2273885.861; Y(m) = 606740.518

+ Điểm góc phía Đông Nam: X(m) = 2273919.526; Y(m) = 606818.023

- Nguồn số 02: Tại khu vực máy phát điện dự phòng có tọa độ:

+ Điểm góc phía Tây Bắc: X(m) = 2273901.102; Y(m) = 606715.363

+ Điểm góc phía Bắc: X(m) = 2273904.289; Y(m) = 606722.701

+ Điểm góc phía Nam: X(m) = 2273879.088; Y(m) = 606724.925

+ Điểm góc phía Đông Nam: X(m) = 2273882.275; Y(m) = 606732.263

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt một số thiết bị (đệm cao su, lò xo) để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đối với máy móc, thiết bị gây ồn, rung.

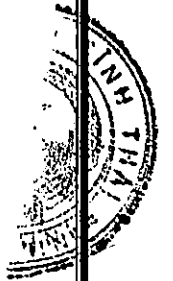
- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất đảm bảo hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	20
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	100
3	Ắc quy chì thải	50
4	Bao bì cứng thải	234,4
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có thành phần nguy hại)	50
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	2
7	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	200
8	Cặn sơn, sơn và vecni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	1.450
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>2.106,4</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Dây đồng thải	1.560
2	Bụi kim loại	130

3	Bụi men	15
4	Bavia nhựa, sản phẩm nhựa lõi	15.900
5	Bao bì carton, nilon thải, lõi băng dính	1.000
6	Bùn thải	1.977
	<b>Tổng</b>	<b>20.582</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

TT	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	28,55
2	Bùn thải từ bể tự hoại 3 ngăn	11,62
	<b>Tổng</b>	<b>40,17</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: 07 Thùng nhựa, thể tích 200 lít.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 15 m<sup>2</sup> đặt trong Nhà rác và nhà chứa thiết bị xử lý nước thải.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, mái bằng và kết cấu nền cứng bằng bê tông cốt thép; trong kho bố trí các thiết bị lưu chứa và thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Chứa trong các bao tải buộc kín 25kg.

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích 11,75 m<sup>2</sup> đặt trong Nhà rác và nhà chứa thiết bị xử lý nước thải.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, mái bằng và kết cấu nền cứng bằng bê tông cốt thép; trong kho bố trí các thiết bị lưu chứa; có biển báo bên ngoài, các chất thải được lưu giữ theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày



10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng 20 thùng chứa 30 lít đựng rác có nắp đậy đặt tại các khu vực khu văn phòng, nhà vệ sinh. Cuối ngày nhân viên vệ sinh của Nhà máy thu gom, lưu chứa trong 03 thùng (100 lít/thùng), đặt trong kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích 7,95 m<sup>2</sup> đặt trong Nhà rác và nhà chứa thiết bị xử lý nước thải 1.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho khép kín, mái bằng và kết cấu nền cứng bằng bê tông cốt thép; trong kho bố trí các thiết bị lưu chứa; có biển báo bên ngoài, các chất thải được lưu giữ theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý bảo đảm vệ sinh môi trường theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.